

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/9/2017.

V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Bạch Quốc Thống**.

2. Bà **Châu Thị Chúc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị H** sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ số: Số 95, ấp BA, xã H, huyện C, tỉnh S.

- Bị đơn: Anh **Danh Đ** sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ số: Số 166, ấp BA, xã H, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Thạch Thị H trình bày:

Chị Thạch Thị H và anh Danh Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2015. Thời gian chung sống, anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không quan tâm đến chị H, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm; anh, chị không có con chung; không có tài sản chung, nợ chung.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; con chung không có, tài sản chung không có, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong đơn yêu cầu phản tố ngày 21/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Danh Đ trình bày:

Về thời gian kết hôn và thời gian không còn sống chung thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, không có con chung, không có nợ chung. Riêng tài sản chung gồm tiền 30.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24 kra, yêu cầu chi đôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Danh Đ đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh Đ đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy chị Thạch Thị H và anh Danh Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2015 phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không hợp nhau, nên không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa chị H kiên quyết xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung, nợ chung không có, anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có; còn anh Đ yêu cầu phản tố trình bày rằng tài sản chung gồm 30.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24 kra, nhưng từ ngày thụ lý yêu cầu phản tố đến nay anh Đ không đưa ra được chứng cứ để chứng minh có phần tài sản nêu trên; hơn nữa chị H không thừa nhận có phần tài sản nêu trên. Tuy nhiên bị đơn anh Danh Đ đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh Đ đều vắng mặt không lý do, thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Đ về yêu cầu chia tài sản nêu trên.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

[5] Căn cứ vào khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 590.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006936 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b, c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Khoản 2 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thạch Thị H và anh Danh Đ.
- Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Chị H và anh Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Danh Đ về yêu cầu chia tài sản chung gồm tiền 30.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24 kra.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006900 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; như vậy chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 590.000 đồng (năm trăm chín mươi ngàn), theo biên lai thu tiền số 0006936 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc